

TÍNH NHÂN VĂN TRONG TƯ TƯỞNG NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CỦA LÊ THÁNH TÔNG

THE HUMANITY IN LE THANH TONG'S THOUGHTS OF STATE AND LAW

VÕ THỊ XUÂN HƯƠNG^(*)

TÓM TẮT: Lê Thánh Tông (1442-1497) không chỉ là nhà văn hóa, nhà thơ lớn mà còn là nhà tư tưởng, nhà chính trị kiệt xuất. Ông đã để lại cho thế hệ sau di sản tư tưởng quý báu, trong đó có tư tưởng nhà nước và pháp luật. Tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông không chỉ thể hiện những đặc điểm như tính kế thừa, tính thực tiễn, tính dân tộc, mà còn nổi bật và xuyên suốt đó là tính nhân văn sâu sắc, thể hiện ở quan điểm đề cao vai trò của dân, yêu thương dân, quan tâm đến đời sống của dân, nhất là những người dân lao khổ, thấp kém trong xã hội, và tấm lòng nhân ái, khoan dung rộng lớn.

Từ khóa: Lê Thánh Tông; tư tưởng về nhà nước và pháp luật; đề cao vai trò của dân.

ABSTRACT: Le Thanh Tong (1442-1497) was not only a great culturalist and poet, but also an outstanding thinker and politician. He has left to the next generation a valuable legacy of thoughts, including thoughts of state and law. Le Thanh Tong's thoughts of state and law are not only show characteristics such as inheritance, practicality, nationality, but also prominent and throughout in the profound humanity, expressed in the viewpoint of promoting the role of the people, loving the people, paying attention to the lives of the people, especially the hard-working and inferior people in society, and great benevolence, tolerance.

Key words: Le Thanh Tong; thoughts of state and law; promote the role of the people.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam thế kỷ XIV-XV là một trong những giai đoạn đặc biệt; đó là sự chuyển biến từ nhà Trần sang nhà Hồ; cuộc khởi nghĩa Lam Sơn gian khổ chống lại sự xâm lược của giặc Minh giành thắng lợi oanh liệt; việc thành lập triều đại Lê sơ với nhiệm vụ và yêu cầu củng cố, xây dựng và phát triển nhà nước phong kiến trung ương tập quyền độc lập, thống nhất, vững mạnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc nhằm chống lại âm mưu xâm lược của kẻ thù, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Chính trong điều kiện lịch sử đó đã xuất hiện nhiều nhà tư tưởng

lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Lý Tử Tấn, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng, Nguyễn Trục... nổi bật là Lê Thánh Tông. Ông không chỉ là nhà văn hóa, nhà thơ lớn mà còn là nhà tư tưởng, nhà chính trị kiệt xuất. Với tư tưởng nhà nước và pháp luật sắc bén của mình, ông đã giải đáp được nhiệm vụ lịch sử xã hội Đại Việt đặt ra ở thế kỷ XIV-XV. Tư tưởng về nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông thể hiện những nội dung hết sức đặc sắc. Đó là quan điểm về vai trò, chức năng của nhà nước trong thể chế quân chủ, về tổ chức bộ máy nhà nước và chế độ quan chế; quan điểm về vai trò, mục đích và nội dung của các quan hệ pháp luật, về phương pháp thực thi pháp luật; đặc

^(*) ThS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, xuanhuongvothi@yahoo.com
Mã số: TCKH24-23-2020

biệt đó còn là quan điểm về cái cách bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, thực quyền, hiệu lực và hiệu quả; là quan điểm tuyển chọn, sử dụng đội ngũ quan lại qua thi cử, thăng giáng, thưởng phạt nghiêm minh, nhằm tuyển chọn người hiền tài cho bộ máy nhà nước; thực hiện việc giám sát, kiểm soát chặt chẽ lẫn nhau, nhằm nâng cao trách nhiệm và hạn chế lạm quyền của quan lại, được thể hiện trong khối lượng tác phẩm khá đồ sộ viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, không chỉ có ý nghĩa thơ văn mà còn mang giá trị tư tưởng sâu sắc, như Anh hoa hiếu trị, Châu cơ thắng thưởng, Chinh tây kỷ hành, Cổ tâm bách vịnh, Hồng Đức quốc âm thi, Lam Sơn Lương Thủy phủ, Minh Lương cầm tú, Quỳnh uyển cửu ca, Thập giới cô hồn quốc ngữ thi, Thiên nam dư hạ tập, Văn minh cổ súy,...

Tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông vừa thể hiện đậm nét của truyền thống lịch sử và văn hóa Việt Nam, vừa thể hiện đặc điểm riêng của Lê Thánh Tông, đó là tính nhân văn. Với quan điểm luôn đề cao vai trò của dân, bảo vệ những con người thấp kém trong xã hội, yêu thương dân, quan tâm đến đời sống của dân, nhất là những người dân lao khổ, và tấm lòng nhân ái, khoan dung rộng lớn của Lê Thánh Tông, tư tưởng về nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông đã thể hiện tính chất nhân văn sâu sắc.

2. NỘI DUNG

2.1. Lê Thánh Tông luôn đề cao vai trò của dân, bảo vệ những con người thấp kém trong xã hội

Mặc dù bị hạn chế bởi quan điểm giai cấp hẹp hòi nhưng Lê Thánh Tông cũng đã đưa nhiều quy định bảo vệ quyền cơ bản của con người, nhất là những người thuộc các tầng lớp dưới (nô tỳ) trong xã hội. Lê Thánh Tông viết: “*Những quan cai quản quan nô tỳ tự tiện thích chữ vào dân đình để hạng nô ấy, thì xử phạt biếm ba tư*” [4, tr.87]. Hay “*Người thích chữ vào vợ, con trai, con gái người khác và nô tỳ của người khác để bắt làm nô tỳ của mình, thì xử tội*

đồ... thích chữ vào người ở đợ làm nô tỳ mình, thì cũng xử tội như trên và phải trả tiền tầy theo luật định. Nếu đem bán dân đình làm nô tỳ cho người thì phải biếm năm tư và phải đền gấp đôi số tiền bán, nộp vào kho một nửa, còn nguyên tiền bán thì phải trả đủ cho người mua” [4, tr.129].

Để bảo vệ quyền con người, Lê Thánh Tông còn quy định rõ hơn đối với các quan lớn trong triều không được tự tiện biến dân đình thành tôi tớ trong nhà mình.

Khi đề cập đến việc bảo vệ quyền lợi trẻ em, Lê Thánh Tông viết: “*Gian dâm với con gái nhỏ từ 12 tuổi trở xuống, dù người con gái thuận tình, cũng xử tội như tội hiếp dâm*” [4, tr.139]; và “*Con gái và những trẻ nhỏ mồ côi, tự bán mình mà không có ai bảo lãnh thì người mua cùng người viết văn khế, người làm chứng thấy đều xử tội xuy, trượng như luật (đàn bà đánh 50 roi, đàn ông đánh 80 trượng) đòi lại tiền trả cho người mua mà hủy bỏ văn tự*” [4, tr.118].

Để bảo vệ tính mạng của dân, vua đưa ra nhiều hình phạt rất nghiêm khắc, trong đó không có sự phân định hình phạt theo địa vị xã hội của người phạm tội. Lê Thánh Tông viết: “*Những phu thợ đang làm việc, những quân lính đang ở trại hoặc theo quân đội ra đánh giặc, hoặc theo hầu xa giá, hay sai đi việc quân, khi có tật bệnh mà quan chủ ty không xin cấp thuốc thang cứu chữa, thì xử phạt 40 roi; nếu vì ốm không chữa mà chết thì xử phạt 80 trượng*” [4, tr.178].

Đặc biệt, Lê Thánh Tông rất coi trọng tính mạng con người, kể cả những người nghèo khổ và bất hạnh trong xã hội, ông viết: “*Những người góa vợ, góa chồng, mồ côi, và những người tàn tật nặng, nghèo khổ không có người thân thích để nương tựa, không thể tự mình mưu sống được, quan sở tại phải thu nuôi họ, mà lại bỏ rơi họ thì bị xử đánh 50 roi, biếm một tư. Nếu họ được cấp cơm áo, mà quan lại ăn bớt đi, thì khế vào tội như người giữ kho ăn trộm của công*” [4, tr.115]; ông viết: “*đàn bà phạm tội tử hình trở xuống, nếu đang mang thai thì phải đợi sau sinh đẻ 100 ngày mới đem hành hình*” [4, tr.201].

Tính nhân văn trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông còn thể hiện ở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa “pháp trị” và “đức trị”, vừa đảm bảo tính nghiêm minh, công bằng của luật pháp vừa mang tính giáo dục, cảm hóa con người. Vì thế, bên cạnh những quy định bảo vệ tính mạng của con người Lê Thánh Tông còn đề cao bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người; các hành vi tố cáo, vu khống không đúng sự thật và trái quy định; việc quan quấy nhiễu ức hiếp dân, tự tiện bắt bớ, giam cầm người vô tội, phạm nhân không đáng gông cùm mà lại gông cùm, vô cớ đánh đập tù nhân; tra tấn tù nhân tuổi cao và vị thành niên. Lê Thánh Tông viết: “...70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, hay bị phế tật, nếu phạm tội thì không được tra tấn, chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà định tội” [4, tr.197]. Để đảm bảo trật tự theo lễ giáo của Nho giáo ông đưa ra điều luật trừng trị rất nặng đối với những hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của quan lại, những người thuộc hoàng tộc và họ hàng ruột thịt của họ đều bị áp dụng những hình phạt hết sức nghiêm khắc. Chẳng hạn: “Người không có quan chức mà lẳng mọ quan tam phẩm trở lên thì đồ làm khao đình” [4, tr.156]. Để ngăn ngừa hành vi hiếp dâm, bảo vệ nhân phẩm cho con người, ông trừng trị rất nặng hành vi phạm tội này. Lê Thánh Tông viết: “Ấn cướp còn hiếp dâm thì chém bêu đầu. Ấn trộm mà còn hiếp dâm thì xử chém” [4, tr.146].

Đây là tư tưởng tiến bộ, vượt thời đại và vẫn còn nguyên giá trị trong xã hội hiện đại. Tư tưởng ấy đã thể hiện tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc trong sự nghiệp cai trị đất nước của Lê Thánh Tông.

2.2. Tầm lòng yêu thương dân, quan tâm sâu sắc đến đời sống của dân trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông

Nhận thức rõ vai trò, sức mạnh của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đã đem lại những thắng lợi cho giai cấp cầm quyền, Lê Thánh Tông đã ban hành hình luật

vừa đề trấn áp giai cấp, tầng lớp phản kháng, vừa nhanh chóng ổn định tình hình xã hội và cũng là để “đền ơn, đáp nghĩa” đối với nhân dân, xoa dịu nỗi đau mất mát trong cuộc chiến tranh, thúc đẩy sản xuất phát triển. Lê Thánh Tông khẳng định: “Đạo làm vua rất lớn, phải nghiên cứu rất tinh tường, dưới thì yêu dân chúng, trên thì kính trời” [2, tr.298]. Yêu dân ở ông luôn gắn liền với chăm lo đời sống vật chất và đời sống tinh thần cho dân. Vì thế, ông ngày đêm trăn trở suy nghĩ, làm sao cho dân chúng được ấm no, hạnh phúc; đất nước được yên bình, thịnh trị: “Dân chúng ấm no điềm thịnh trị” [2, tr.297]. Và đó còn là thái độ nghiêm khắc của ông với đội ngũ quan lại gây phiền nhiễu cho dân. Lê Thánh Tông viết: “Các tướng soái ở phiên trấn mình mà sách nhiễu tiền bạc của dân trong trấn, châu, huyện mình thì bị biếm ba bậc, phải bồi thường gấp đôi số tiền, trả lại cho dân” [1, tr.79].

Bên cạnh chăm lo về vật chất cho dân, tính nhân văn trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông còn thể hiện trong quan điểm giáo hóa cho dân. Ông chủ trương lấy đạo luân thường để dạy dân, nếu chưa giáo hóa dân, chưa dạy cho dân điều hay nên làm, điều dở nên tránh mà đã trừng phạt dân là quan bạo ngược. Lê Thánh Tông viết: “Quan phủ huyện châu... trong khi đi tuần hành, đến chỗ thôn xóm dân cư nào, tất phải đem hết lời văn của sắc dụ đời trước, lời dạy về lễ nhạc xưa nay, ân cần hiểu bảo, để cho dân biết theo thiện đổi lỗi. Hoặc điều gì hại giáo hóa, tổn phong tục, tất phải để ý trị răn, có người nào trung tín hiếu đễ, tất phải để lòng khen thưởng. Như thế, dân đều theo về trung hậu. Điều bỏ hết lòng điều bạc gian dối” [3, tr.293].

2.3. Lòng nhân ái, khoan dung trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông

Trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của mình, Lê Thánh Tông cũng đã ảnh hưởng, tiếp thu tinh thần nhân ái, khoan dung ấy của dân tộc Việt Nam; và nó đã được ông phát huy

trong suốt thời gian trị vì đất nước. Lòng nhân ái, khoan dung được Lê Thánh Tông thể hiện rõ nét hơn cả hình luật của các triều đại trước đó. Quan điểm ấy thể hiện ở các quy định phản ánh chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội là người già, người tàn tật và trẻ em cũng như những người phạm tội. Lê Thánh Tông viết: *“Những người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống cùng những người bị phế tật, phạm từ tội lưu trở xuống đều cho chuộc tội bằng tiền, phạm tội thập ác thì không theo luật này. Từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống cùng những người bị ác tật, phạm tội phản nghịch, giết người, đáng phải tội chết thì cũng tâu vua để xét định, ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc tội, còn ngoài ra không bắt tội. Từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống dầu có bị tội chết cũng không hành hình, nếu có kẻ nào xui xiểm thì bắt tội kẻ xui xiểm”* [4, tr.54].

Ngoài ra, ông cũng quy định xử phạt thể hiện tính khoan dung, nhân đạo, đối với người già cả và trẻ nhỏ: *“Khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật việc mới được phát giác thì xử theo luật già cả tàn tật. Khi ở nơi bị đồ mà già cả tàn tật thì cũng thế. Khi còn bé nhỏ phạm tội, đến khi mới được phát giác thì xử theo luật lúc còn nhỏ”* [4, tr.55].

Qua những điều luật trên cho ta thấy chính sách về pháp luật nhân đạo đối với những người phạm tội là người già, trẻ em và người bị tàn tật, miễn cho họ khỏi phải chịu hình phạt tàn ác bằng cách cho họ chuộc tội bằng tiền hoặc tha tội nếu họ không phạm tội thập ác, tội phản nghịch hay tội giết người với hình phạt được quy định là án tử hình. Tính nhân văn ở Lê Thánh Tông còn thể hiện ở lòng biết ơn với những công thần khai quốc trong dự các quan trọng triều rằng: *“Sư Hối vì có công trung hưng cùng với cha là Xí có công lao lớn trong buổi khai quốc, nên tha tội chết. Còn Trịnh Lý thì triều thần các người cùng bản xứ”* [3, tr.395].

Tính nhân văn trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông còn thể hiện ở

một số điều luật quy định về loại, mức hình phạt áp dụng cho người phạm tội là phụ nữ và điều kiện thi hành hình phạt đối với phụ nữ có thai. Về các quy định này có thể nêu như không áp dụng hình phạt đánh gây đối với đàn bà phạm tội hoặc quy định trong cùng một hình phạt khổ sai, đàn bà phải chịu hình phạt kèm theo nhẹ hơn. Điều 1 quy định năm hình phạt trong đó có hình phạt trượng hình chỉ áp dụng cho đàn ông mới phải chịu; kèm theo làm tượng phượng bình đàn ông bị đánh 80 trượng, thích vào cổ 2 chữ, kèm theo làm xung thất tỷ đàn bà bị đánh 50 roi, thích vào cổ 2 chữ. Quy định này càng được đánh giá tiến bộ nếu đặt vào trong mối liên hệ với quan niệm phong kiến về địa vị thấp kém của người phụ nữ so với người chồng trong gia đình mà đã được thể hiện trong pháp luật. Tính nhân đạo còn được thể hiện điều 680 cho phép hoãn thi hành hình phạt đối với phụ nữ đang có thai và trong thời gian 100 ngày sau khi sinh con [4, tr.149]. Những người có trách nhiệm thi hành án không tuân thủ quy định này sẽ bị trừng phạt. Tính nhân đạo còn thể hiện rõ đối với những tù nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Điều 669 viết: *“Nếu tù nhân bị bệnh ung nhọt không được cho y khỏi mà tra khảo, thì xử tội biếm; nếu lúc ấy mà cho thi hành tội trượng, thì xử phạt tiền 30 quan; vì thế mà kẻ bị tội chết, thì biến hai tư”* [4, tr.198].

Ngoài việc thể hiện tính nhân đạo, bộ luật còn thể hiện tính công bằng và khoan hồng đối với người phạm tội. Điều 18 quy định: *“Phạm phạm tội chưa bị phát giác mà tự thú trước, thì được tha tội... phạm tội nhẹ đã bị phát giác mà lại thú cả tội nặng nữa, nhân hỏi về tội đương xét mà thú thêm các tội khác nữa, thì được tha cả mọi tội”* [4, tr.55].

3. KẾT LUẬN

Tính nhân văn trong tư tưởng nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông là sự kết tinh bởi truyền thống yêu nước, tinh thần khoan dung, nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam và tấm lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm của ông đối với

nhân dân, với quốc gia dân tộc. Đây cũng là một trong những đặc điểm nổi bật trong tư tưởng chính trị của ông. Với những nội dung phong phú và sâu sắc trong tư tưởng về nhà nước và pháp luật của mình, Lê Thánh Tông đã để lại nhiều giá trị, đóng góp to lớn trong lịch sử của dân tộc ta: 1) Với tư tưởng cải cách cơ cấu tổ chức chính quyền các từ trung ương đến cấp xã và kỹ thuật lập pháp, Lê Thánh Tông đã góp phần xây dựng một nền chính trị - xã hội ổn định, thống nhất; góp phần tích cực vào nhiệm vụ và yêu cầu củng cố, xây dựng và phát triển nhà nước phong kiến trung ương tập quyền độc lập, tự chủ, vững mạnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc nhằm chống lại âm mưu xâm lược của kẻ thù, bảo vệ

nền độc lập dân tộc; 2) Tư tưởng chính trị của Lê Thánh Tông góp phần đề cao tinh thần độc lập và lòng tự hào dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia, phát triển nền quân sự vững mạnh để bảo vệ vững chắc núi sông, bờ cõi; 3) Tư tưởng về nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông còn góp phần vào phát triển giáo dục, văn hóa, đào tạo sử dụng hiền tài, thể hiện tinh thần thân dân, tập hợp và phát huy sức mạnh đoàn kết của dân. Với những giá trị ấy, ông đã nhanh chóng chấm dứt tình trạng xung đột phe phái trong cung đình, lập lại kỷ cương, ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, cùng với những giá trị và ý nghĩa trên, tư tưởng về nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông, vẫn còn những hạn chế nhất định, do điều kiện lịch sử và quan điểm, lập trường giai cấp quy định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2] Mai Xuân Hải (2003), *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3] Ngô Sĩ Liên (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Ngọc Nhuận (2011), *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 16-11-2020. Ngày biên tập xong: 23-11-2020. Duyệt đăng: 27-11-2020